

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 402/2023/DS-PT

Ngày: 27/ 7 /2023

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Ông Võ Ngọc Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.**

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: “Đòi tài sản (quyền sử dụng đất) ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1950; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Văn D, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

1. 2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn R, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

1. 3. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn R, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

1. 4. Bà Lê Thị X, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1975. ĐKTT: Khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, Tp., tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1938; Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1996. Địa chỉ: số A, N, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trần Công K, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

3. 2. Trần Thị Bích T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Cha của các nguyên đơn là ông Lê Văn M, chết năm 2010 là chủ sử dụng thửa đất số 469 diện tích 587 m² tại ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 1995, ông M có cho ông C diện tích ngang khoảng 05 mét, dài khoảng 39 mét cho ông Nguyễn Văn C làm đường đi và đậu ghe, xuồng. Vì nhà của ông C nằm trong mặt lộ không có đường ra sông. Sau đó ông M có bán một phần đất cho ông Đ2, còn lại diện tích ngang khoảng 05 mét, dài khoảng 39 mét vẫn cho ông Nguyễn Văn C sử dụng. Đến năm 2019, sau khi ông M chết thì ông C tự ý bơm cát làm thay đổi hiện trạng nhằm chiếm đoạt phần đất nêu trên.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn di sản của ông Lê Văn M là quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế diện tích đất 88,2 m² thuộc thửa 458 tờ bản đồ 17 tại ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết án bị đơn trình bày:*

- Nguồn gốc phần đất tranh chấp nằm giáp kênh Nguyễn Văn T1 và phần đất phía trong Tỉnh lộ 865 do ông và gia đình khai hoang từ trước năm 1962 và ông trực tiếp quản lý, sử dụng và nuôi cha, mẹ. Năm 1975, ông T2 em trai ông vì cuộc sống khó khăn nên ông T2 bán lại căn nhà và khu đất giáp cặp Kênh cho ông Lê Văn M, khi bán thỏa thuận chừa lại 03 mét làm lối đi và con mương đậu xuống 02 mét để ông C sử dụng chứ không bán hết. Ông là người quản lý, sử dụng, quá trình ông sử dụng đất ông M cũng không có tranh chấp, ông có đăng ký sổ địa chính là thửa 458 nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy. Sau này khi ông M bán đất lại cho ông Đ2, có xác định ranh giới giáp phần diện tích ông C sử dụng. Sau khi ông M chết gần 10 năm gia đình ông M cũng không có ai tranh chấp. Năm 2019 gia đình ông bơm cát san lấp phần đất trên thì các con của ông M tranh chấp cho rằng phần đất ông đang sử dụng là của ông M, yêu cầu ông C phải trả lại. Ông C không đồng ý và yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Công K và chị Trần Thị Bích T trình bày:

Các anh chị là thành viên hộ gia đình của ông Lê Văn M, ông M đã chết vào ngày 26/02/2010, lúc còn sống ông M có thửa đất 469 tại ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn M. Hiện nay những người con của ông Lê Văn M có đơn khởi kiện đòi lại diện tích đất nằm trong thửa 469 nêu trên anh, chị không tranh chấp vì thửa đất nêu trên là của ông Lê Văn M, tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

*** Căn cứ vào:** khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 612, 614, 617 của Bộ luật Dân sự, Điều 166 của Luật đất đai; Khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị H, Lê Văn Đ, Lê Thị H1, Lê Thị X;

Xác định diện tích đất tranh chấp 88,2 m² thuộc thửa 458 tờ bản đồ 17 tại ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là di sản của ông Lê Văn M để lại.

Buộc ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ trả lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn M, gồm Lê Thị H, Lê Văn Đ, Lê Thị H1, Lê Thị X diện tích đất 88,2 m² thuộc thửa 458 tờ bản đồ 17 tại ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ, vị trí thửa đất kèm theo.

Ghi nhận ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị H và Lê Thị H1 tự nguyện thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn C chi phí san lấp số tiền 15.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 20/6/2022, ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, không phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ tranh chấp: “Đòi tài sản (quyền sử dụng đất)” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Văn Đ, Lê Thị X về việc đòi ông Nguyễn Văn C trả lại diện tích đất 88,2 m² thuộc một phần của thửa đất 469 là tài sản của ông Lê Văn M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét quá trình sử dụng diện tích 88,2 m² đang tranh chấp, các bên đương sự đều thống nhất ông Nguyễn Văn C là người trực tiếp quản lý sử dụng từ trước 1985 làm lối đi và chỗ đậu ghe xuồng; năm 2005 khi ông M chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh Đ3 vẫn để cho ông Nguyễn Văn C tiếp tục quản lý sử dụng, đến năm 2019 thì ông C bơm cát, san lấp mặt bằng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định tình tiết nêu trên là có thật.

- Xét các tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp và quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập xác định: Thửa đất đang tranh chấp diện tích 88,2 m² là thửa đất số 458 tờ bản đồ 17 tại ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Xét năm 2005, ông Lê Văn M chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh Đ3 thửa đất số 469 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn M theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01750.QSDĐ.03 ngày 10/11/1998, đã nhập vào thửa 457 của ông Lê Minh Đ3, đồng thời đóng dấu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn M.

- Xét thửa đất đang tranh chấp mặc dù nằm trong thửa đất số 469 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của các nguyên đơn thừa nhận phần đất này từ khi ông M mua của ông T2 (em ông C) đến nay do ông Nguyễn Văn C quản lý sử dụng; khi chuyển nhượng cũng không có đo đạc diện tích thực tế. Đến khi ông Lê Văn M chuyển nhượng lại cho ông Lê Minh Đ3 không có sơ đồ đo đạc diện tích cụ thể còn lại là bao nhiêu, cơ quan đăng ký đất đai cũng không xác nhận thửa đất 469 của ông Lê Văn M còn lại diện tích bao nhiêu.

- Xét lời khai của ông Lê Minh Đ3 thể hiện khi ông Lê Văn M chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông thì chỉ ranh đất giáp với đất ông Nguyễn Văn C sử dụng. Đồng thời sau này khi ông Đ3 đo đạc tách thửa cho các con thì cán bộ đo đạc cũng xác định cạnh phía tây giáp ông Nguyễn Văn C.

- Xét Công văn số 195/UBND-ĐC ngày 07/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C xác định vị trí phần đất đang tranh chấp hiện nay là thửa số 458 là phù hợp hiện trạng thực tế. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã M cho rằng khi tách thửa cán bộ địa chính xã do sai sót đã đóng dấu thu hồi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn M là không phù hợp. Bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm theo tài liệu do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã C cung cấp: theo sổ địa chính và bản đồ đo đạc chính quy thửa đất số 458, tờ bản đồ số 17 có diện tích 109m² tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn C không phải của ông Lê Văn M. Do vậy, năm 2005 khi chuyển nhượng QSDĐ cho ông Lê Minh Đ3, giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01750.QSDĐ.03 ngày

10/11/1998 của ông Lê Văn M đóng dấu thu hồi là phù hợp vì thực tế phần đất còn lại do ông C quản lý sử dụng chứ không phải ông M.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 458, tờ bản đồ số 17 có diện tích đo đạc thực tế là 88,2m² thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn M và xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Quá trình xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C kháng cáo đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và phù hợp với thực tế sử dụng đất như đã phân tích trên.

Xét tình tiết vụ án phù hợp với tình hướng án lệ số 33/2020/AL nên Hội đồng xét xử áp dụng án lệ số 33/2020/AL để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn C được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Các nguyên đơn phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bà Lê Thị H, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị H1 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 166, 612 của Bộ luật Dân sự; Điều 95, 106 của Luật đất đai; Án lệ số 33/2020/AL của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị H, Lê Văn Đ, Lê Thị H1, Lê Thị X về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn M, gồm Lê Thị H, Lê Văn Đ, Lê Thị H1, Lê Thị X diện tích đất 88,2m² thuộc thửa 458 tờ bản đồ 17 tại ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Văn C được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị H, Lê Văn Đ, Lê Thị H1. H3 lại bà Lê Thị H, Lê Văn Đ, Lê Thị H1, Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy theo biên lai thu số 006516 ngày 29/10/2020.

Bà Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H3 lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy theo biên lai thu số 0002572 ngày 23/6/2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân